

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị tán thành chủ trương thành lập quận Đông Anh và
các phường thuộc quận Đông Anh, thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 54/2018/ND-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3916/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho UBND các huyện Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức và Đan Phượng thực hiện việc lập đề án thành lập quận, phường của 05 huyện;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 1170-TB/TU ngày 23/5/2023 của Thành ủy Hà Nội;

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị về chủ trương thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận Đông Anh, thành phố Hà Nội, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận

Huyện Đông Anh là cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội có diện tích tự nhiên 185,68 km², quy mô dân số đạt hơn 400.000 người, có 24 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc gồm thị trấn Đông Anh và 23 xã; giáp ranh với các quận Long Biên, Tây Hồ, Bắc Từ Liêm; nơi tập trung nhiều tuyến đường giao thông huyết mạch như: đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài (đường Võ Văn Kiệt), đường cao tốc Nhật Tân - Nội Bài (đường Võ Nguyên Giáp), quốc lộ 5 kéo dài (gồm đường Trường Sa và Hoàng Sa), quốc lộ 3, quốc lộ 3 mới (cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên), quốc lộ 23A, đường 23B mở rộng, đường quy hoạch 41m, tuyến đường vành đai 3.... Bên

cạnh đó, trên địa bàn huyện có 02 tuyến đường sắt chạy qua là các tuyến nối trung tâm thành phố Hà Nội với tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Lào Cai; đặc biệt trên địa bàn huyện cách sân bay quốc tế Nội Bài 13 km - cửa ngõ thông thương với quốc tế đã tạo cho Đông Anh nhiều lợi thế phát triển mọi mặt về kinh tế - xã hội.

Trong những năm trở lại đây, huyện Đông Anh đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp một cách hợp lý; ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Bên cạnh việc tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Đông Anh là khu vực có tốc độ đô thị hóa cao nhờ những bứt phá về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông.

Theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định Đông Anh là khu vực đô thị trung tâm được phát triển mở rộng từ khu vực nội đô về phía Bắc thành phố Hà Nội với chức năng phát triển thương mại, giao dịch quốc tế, công nghiệp kỹ thuật cao, du lịch sinh thái, giải trí gắn với bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống khu di tích Cổ Loa, khai thác cảnh quan sông Thiếp và đầm Vân Trì; trung tâm triển lãm, thương mại Hà Nội (EXPO) và vui chơi giải trí của thành phố. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Anh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, xác định xây dựng Đông Anh thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ tài chính thương mại và giao dịch quốc tế phía Bắc sông Hồng, đóng vai trò là động lực phát triển ở phía Bắc của Thủ đô.

Từ thực tế đó, để đảm bảo cho mục tiêu, định hướng phát triển và mang lại nhiều lợi ích cho huyện Đông Anh nói riêng cũng như lợi ích của thành phố Hà Nội nói chung, cần có một giải pháp quản lý phù hợp hơn nữa trong công tác chính quyền địa phương, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền trong quản lý tổng thể xã hội. Việc thành lập quận Đông Anh là phù hợp với hiện trạng phát triển và tốc độ đô thị hóa của huyện trong thời gian qua, tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức chính quyền đô thị phù hợp, tạo tiền đề cho Đông Anh hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước; phù hợp với các quy hoạch đang được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về phương án thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận

2.1. Phương án thành lập quận Đông Anh

Thành lập quận Đông Anh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Đông Anh.

2.2. Phương án thành lập các phường thuộc quận Đông Anh

Thành lập 24 phường thuộc quận Đông Anh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 24 xã, thị trấn của huyện Đông Anh.

Kết quả sau khi thành lập:

Quận Đông Anh sau khi thành lập có 185,68 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số hơn 400.000 người, có 24 đơn vị hành chính cấp phường trực thuộc, bao gồm:

Phường Đông Anh; Bắc Hồng, Cổ Loa, Đại Mạch, Đông Hội, Dục Tú, Hải Bối, Kim Chung, Kim Nỗ, Liên Hà, Mai Lâm, Nam Hồng, Nguyên Khê, Tàm Xá, Thụy Lâm, Tiên Dương, Uy Nỗ, Vân Hà, Vân Nội, Việt Hùng, Vĩnh Ngọc, Vồng La, Xuân Canh, Xuân Nộn.

3. Về mức độ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn thành lập quận và các phường thuộc quận của huyện Đông Anh

3.1. Điều kiện thành lập quận, phường

Việc thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận Đông Anh đã cơ bản đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể là:

- Phù hợp với các kế hoạch, quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt: Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021; Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Anh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

Thành phố Hà Nội cũng đang triển khai lập Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 để trình Chính phủ phê duyệt, đảm bảo phù hợp việc thành lập quận Đông Anh và các phường.

- Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của thành phố Hà Nội, của huyện Đông Anh; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các xã, thị trấn sau khi được lên phường.

Việc thành lập quận và các phường sẽ phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hoá... Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ,... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt. Với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân.

- Việc thành lập quận và các phường tạo điều kiện tốt hơn trong công tác bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

- Đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương; tạo sự thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tạo được sự đồng thuận của nhân dân trên địa bàn.

3.2. Tiêu chuẩn thành lập quận

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15, thị huyện Đông Anh đã cơ bản đạt 5/5 tiêu chuẩn để thành lập quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

3.3. Tiêu chuẩn thành lập phường

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 và Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; các khu vực dự kiến thành lập phường đã cơ bản đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập các phường thuộc quận theo quy định (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

4. Về việc hoàn thiện hồ sơ, thực hiện quy trình thủ tục đề nghị thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận

4.1. Tổ chức lấy ý kiến cử tri về phương án thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận

Thực hiện Thông báo Kết luận số 1170-TB/TU ngày 23/5/2023 của Thường trực Thành ủy Hà Nội, trong đó thống nhất triển khai các trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Đề án thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận song song với quá trình đánh giá, công nhận của Bộ Xây dựng về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của các khu vực dự kiến thành lập quận và thành lập phường; Văn bản số 1583/UBND-NC ngày 29/5/2023 của UBND Thành phố về việc tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận.

UBND huyện Đông Anh đã tổ chức và hoàn thành việc lấy ý kiến cử tri trên địa bàn đối với phương án thành lập quận Đông Anh và 24 phường trực thuộc quận theo quy định tại Nghị định 54/2018/ND-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ. Kết quả lấy ý kiến cử tri đối với phương án thành lập quận và các phường đều đạt tỷ lệ cử tri đồng ý trên 90%, đủ điều kiện trình HĐND các cấp xem xét thông qua.

(*Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri chi tiết tại Phụ lục III gửi kèm theo*)

4.2. Tổ chức họp HĐND các xã, thị trấn và HĐND huyện Đông Anh xem xét về chủ trương thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận

Căn cứ kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn huyện Đông Anh, đến ngày 20/6/2023, HĐND của 24 xã, thị trấn và HĐND huyện Đông Anh đã hoàn thành việc tổ chức họp và có Nghị quyết tán thành chủ trương thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận Đông Anh.

5. Các nội dung hồ sơ, quy trình thủ tục cần tiếp tục hoàn thiện, thống nhất để đủ điều kiện trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

(I) Rà soát số liệu, báo cáo xin ý kiến thống nhất về một số tiêu chuẩn của xã, thị trấn để thành lập phường:

- Rà soát số liệu, cách xác định để thống nhất số liệu Quy mô dân số tính đến 31/12/2023 của các xã, thị trấn thuộc huyện Đông Anh.

- Báo cáo, xin ý kiến thống nhất về cách xác định tiêu chí cân đối thu chi ngân sách đối với xã, thị trấn theo hướng: Nguồn thu ngân sách của xã có tính đến nguồn thu bổ sung cân đối từ ngân sách của huyện để đảm bảo đạt tiêu chí cân đối thu chi ngân sách của các xã.

(2) Hoàn thiện hồ sơ báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị đặc biệt đối với thành phố Hà Nội và hồ sơ báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập quận Đông Anh, cụ thể:

- Hoàn thiện hồ sơ báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị đặc biệt đối với thành phố Hà Nội, gửi Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định công nhận.

- Hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận, trình Bộ Xây dựng thẩm định, ban hành Quyết định công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

(3) Hoàn thành việc lập Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 để trình Chính phủ phê duyệt, đảm bảo tiêu chuẩn phù hợp quy hoạch đối với việc thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận.

Báo cáo, xin ý kiến thống nhất của các cơ quan Trung ương cho phép việc lập Quy hoạch phân khu đô thị sau khi Đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được phê duyệt song song việc trình hồ sơ thành lập quận, phường (theo quy định, trong hồ sơ thành lập quận phải có Quy hoạch phân khu đô thị được duyệt).

(Đề án và các hồ sơ, thủ tục có liên quan gửi kèm theo)

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

682-54

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn



Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP QUẬN
(Kèm theo Tờ trình số 271 /TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Hiện trạng huyện Đông Anh	Đánh giá	Ghi chú
A	Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15					
I	Quy mô dân số	Người	≥ 150.000	437.308	Đạt	
II	Diện tích tự nhiên	Km ²	≥ 35	185.68	Đạt	
III	Tiêu chuẩn cơ cấu trình độ phát triển kinh tế - xã hội					
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt	
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng năm so với trung bình cả nước	lần	1,05	1,32	Đạt	
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (2020 - 2022)	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (Hà Nội: 5,30)	5,94	Đạt	
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2020 - 2022)	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (Hà Nội: 0,25)	0	Đạt	
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	90	97,05	Đạt	
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành	%	90	94,25	Đạt	
B	Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15					
I	Về hạ tầng xã hội					
1	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	≥ 90	99,95	Đạt	
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người	m ² /người	≥ 4	14,84	Đạt	

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Hiện trạng huyện Đông Anh	Đánh giá	Ghi chú
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,5$	6.23	Đạt	
4	Công trình y tế (bệnh viện, trung tâm y tế huyện)		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của huyện nông thôn mới trở lên	4	Đạt	
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề)	cơ sở	≥ 7	20	Đạt	
6	Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của huyện nông thôn mới nâng cao trở lên (100%)	60	Chưa đạt 02/5 trường THPT đã được phê duyệt chủ trương đầu tư	03/05 trường THPT công lập đạt chuẩn quốc gia
7	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	≥ 4	4	Đạt	
8	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	công trình	≥ 3	4	Đạt	
9	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	≥ 4	4	Đạt	
II	Về hạ tầng kỹ thuật đô thị					
1	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy từ 6 m trở lên)	km/km ²	≥ 6	7.48	Đạt	
2	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực)	%	≥ 95	100	Đạt	
3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	≥ 80	100	Đạt	
4	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt	

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Hiện trạng huyện Đông Anh	Đánh giá	Ghi chú
5	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	≥ 75	90,85	Đạt	
6	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥ 35	50,72	Đạt	
III	Vệ sinh môi trường					
1	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục	%	≥ 20	100	Đạt	
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 20	41,26	Đạt	
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt	
4	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 60	91,71	Đạt	
5	Đất cây xanh công cộng trên địa bàn quận bình quân đầu người	m ² /người	≥ 4	6,38	Đạt	
IV	Về kiến trúc, cảnh quan đô thị;					
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 60	100	Đạt	
2	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã cso chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	Dự án	≥ 4	6	Đạt	
3	Số lượng không gian công cộng của đô thị	Khu	≥ 4	4	Đạt	
4	Công trình kiến trúc tiêu biểu	công trình	≥ 1	145	Đạt	
5	Công trình xanh	công trình	≥ 01 công trình xanhg làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận hoặc đã được cấp giấy chứng nhận	1	Đạt	

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP TIÊU THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG
(Kèm theo Tờ trình số ~~271~~ /TTr-UBND ngày ~~27~~ tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Đông Anh	Xã Bắc Hồng	Xã Cổ Loa	Xã Đại Mạch	Xã Đông Hội	Xã Dục Tú	Xã Hải Bối	Xã Kim Chung
1	Quy mô dân số	Người	15.000	32.384	15.578	20.583	15.810	15.438	19.615	19.762	21.894
2	Diện tích	Km ²	5,5	4,393	7,200	8,429	8,429	7,247	8,690	8,267	7,699
3	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội										
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc TW	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 85	100	94,41	93,90	92,90	94,90	92,80	94,00	96,00
4	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị										
4.1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	1	1	1	1	1	1	1
4.2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	2	2	0 (chưa đạt)	4	1 (chưa đạt)	4	2

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Đông Anh	Xã Bắc Hồng	Xã Cổ Loa	Xã Đại Mạch	Xã Đông Hội	Xã Dục Tú	Xã Hải Bối	Xã Kim Chung
4.3	Cơ sở giáo dục	%	100 công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo	100	100	100	100	100	100	100	100
4.4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,58	2,60	2,39	3,15	2,93	3,60	2,97	3,85
4.5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,45	2,66	2,78	2,27	4,46	1,73	2,09	2,64
4.6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1100	1.855	1.302	1.362	1.649	1.650	1.266	1.549	1.810
4.7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	13,50	16,83	26,58	14,60	17,88	11,06	14,64	18,43

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Đông Anh	Xã Bắc Hong	Xã Cổ Loa	Xã Đại Mạch	Xã Đông Hội	Xã Dục Tú	Xã Hải Bối	Xã Kim Chung
4.8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	100	100	100	100	100	100	100
4.9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,36	3,05	2,52	6,39	5,31	4,47	2,08	2,11
4.10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 95,0$	100	100	100	100	100	100	100	100
4.11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên Đồng bằng sông Hồng > 50	100	87,71	88,26	100	100	100	100	94,77
4.12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	5,90	8,90	11,02	4,89	6,89	9,22	5,31	7,75
4.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	100	100	100	100	100	100	100
Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt				Đạt 13/13	Đạt 13/13	Đạt 13/13	Đạt 12/13	Đạt 13/13	Đạt 12/13	Đạt 13/13	Đạt 13/13

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG (Tiếp)
*(Kèm theo Tờ trình số **271** /TTr-UBND ngày **27** tháng **6** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Xã Kim Nỗ	Xã Liên Hà	Xã Mai Lâm	Xã Nam Hồng	Xã Nguyên Khê	Xã Tâm Xá	Xã Thụy Lâm	Xã Tiên Dương
1	Quy mô dân số	Người	15.000	16.577	19.502	15.202	17.759	16.276	15.158	21.902	20.408
2	Diện tích	Km ²	5,5	6,510	8,215	6,185	9,150	7,926	4,579	11,264	10,146
3	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội										
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc TW	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 85	92,71	93,60	94,61	94,19	94,30	92,70	92,30	94,00
4	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị										
4.1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	1	1	1	1	1	1	1
4.2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	2	1 (chưa đạt)	3	2	1 (chưa đạt)	2	3

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Xã Kim Nỗ	Xã Liên Hà	Xã Mai Lâm	Xã Nam Hồng	Xã Nguyên Khê	Xã Tàm Xá	Xã Thụy Lâm	Xã Tiên Dương
4.3	Cơ sở giáo dục	%	100 công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo	100	100	100	100	100	100	100	100
4.4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,61	2,54	2,24	2,32	3,05	1,44 (chưa đạt)	3,33	3,50
4.5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,63	3,58	3,75	2,35	4,58	1,07	1,85	2,66
4.6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1100	1.329	1.311	1.451	1.280	1.489	1.249	1.183	1.214
4.7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	13,10	17,50	16,41	15,17	17,74	15,90	18,41	13,07

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Xã Kim Nỗ	Xã Liên Hà	Xã Mai Lâm	Xã Nam Hồng	Xã Nguyên Khê	Xã Tâm Xá	Xã Thụy Lâm	Xã Tiên Dương
4.8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	100	100	100	100	100	100	100
4.9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,23	6,19	4,00	3,40	4,62	2,04	3,20	4,50
4.10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 95,0$	100	100	100	100	100	100	100	100
4.11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên Đồng bằng sông Hồng > 50	93,33	100	100	100	100	100	100	100
4.12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	6,47	7,00	5,50	6,47	8,50	17,46	9,15	11,14
4.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	100	100	100	100	100	100	100
Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt				Đạt 13/13	Đạt 13/13	Đạt 12/13	Đạt 13/13	Đạt 13/13	Đạt 11/13	Đạt 13/13	Đạt 13/13

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG (Tiếp)
(Kèm theo Tờ trình số ~~211~~ /TTr-UBND ngày ~~24~~ tháng ~~6~~ năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Xã Uy Nỗ	Xã Vân Hà	Xã Vân Nội	Xã Việt Hùng	Xã Vĩnh Ngọc	Xã Võng La	Xã Xuân Canh	Xã Xuân Nộn
1	Quy mô dân số	Người	15.000	19.329	15.216	15.379	18.654	17.990	15.268	15.246	16.378
2	Diện tích	Km ²	5,5	7,722	5,239	6,529	8,664	9,563	6,445	6,307	10,886
3	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội										
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc TW	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 85	94,40	94,10	93,61	94,00	93,90	92,70	93,91	92,50
4	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị										
4.1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	1	1	1	1	1	1	1

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Xã Uy Nỗ	Xã Vân Hà	Xã Vân Nội	Xã Việt Hùng	Xã Vĩnh Ngọc	Xã Vông La	Xã Xuân Canh	Xã Xuân Nộn
4.2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	2	2	1 (chưa đạt)	1 (chưa đạt)	1 (chưa đạt)	1 (chưa đạt)	2
4.3	Cơ sở giáo dục	%	100 công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo	100	100	100	100	100	100	100	100
4.4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,83	3,62	2,18	3,17	2,46	1,96	2,78	3,20
4.5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,69	2,17	1,89	2,62	1,61	1,12	1,42	4,51
4.6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1100	2.040	1.239	1.476	1.333	1.630	1.630	1.384	1.125
4.7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	29,79	13,76	15,87	16,50	13,01	12,96	12,76	24,05

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Xã Uy Nỗ	Xã Vân Hà	Xã Vân Nội	Xã Việt Hùng	Xã Vĩnh Ngọc	Xã Vông La	Xã Xuân Canh	Xã Xuân Nộn
4.8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	100	100	100	100	100	100	100
4.9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,89	7,76	2,08	3,57	4,35	1,80 (chưa đạt)	4,58	3,99
4.10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	$\geq 95,0$	100	100	100	100	100	100	100	100
4.11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên Đồng bằng sông Hồng > 50	100	100	100	100	100	100	100	100
4.12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	9,33	9,19	5,60	4,05	5,74	6,85	11,22	7,25
4.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	100	100	100	100	100	100	100
Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt				Đạt 13/13	Đạt 13/13	Đạt 13/13	Đạt 12/13	Đạt 12/13	Đạt 11/13	Đạt 12/13	Đạt 13/13

Phụ lục III
KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI VÀ ĐẠI BIỂU HĐND VỀ ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP QUẬN ĐÔNG ANH VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC
QUẬN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Tờ trình số 271 /TTr-UBND ngày 27 tháng 6, năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

I. VỀ VIỆC THÀNH LẬP QUẬN

1. Kết quả lấy ý kiến cử tri

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số cử tri	Cử tri tham gia bỏ phiếu		Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Xã Bắc Hồng	9.998	9.998	100	9.990	99,92	8	0,08	
2	Xã Cổ Loa	13.789	13.777	99,91	13.640	98,92	137	0,99	
3	Xã Đại Mạch	8.512	8.504	99,91	8.493	99,78	11	0,13	
4	Xã Đông Hội	9.579	9.566	99,86	9.473	98,89	93	0,97	
5	Xã Dục Tú	13.306	13.306	100	13.254	99,61	47	0,35	
6	Xã Hải Bối	10.800	10.798	99,98	10.795	99,95	3	0,03	
7	Xã Kim Chung	9.264	9.263	99,99	9.233	99,67	30	0,32	
8	Xã Kim Nỗ	10.414	10.414	100	10.308	98,98	105	1,01	
9	Xã Liên Hà	12.743	12.743	100	12.670	99,43	73	0,57	
10	Xã Mai Lâm	9.301	9.300	99,99	9.299	99,98	1	0,01	
11	Xã Nam Hồng	10.602	10.504	99,08	10.420	98,28	84	0,79	
12	Xã Nguyên Khê	10.806	10.798	99,93	10.736	99,35	62	0,57	
13	Xã Tàm Xá	3.797	3.797	100	3.793	99,89	4	0,11	
14	Thị trấn Đông Anh	22.068	22.068	100	22.044	99,89	19	0,09	
15	Xã Thụy Lâm	14.759	14.737	99,85	14.303	96,91	428	2,90	
16	Xã Tiên Dương	13.378	13.378	100	13.308	99,48	60	0,45	
17	Xã Uy Nỗ	13.040	13.035	99,96	12.979	99,53	56	0,43	
18	Xã Vân Hà	7.700	7.700	100	7.685	99,81	15	0,19	
19	Xã Vân Nội	8.894	8.894	100	8.872	99,75	22	0,25	
20	Xã Việt Hùng	12.498	12.498	100	12.291	98,34	197	1,58	
21	Xã Vĩnh Ngọc	11.565	11.418	98,73	11.379	98,39	39	0,34	
22	Xã Võng La	6.706	6.706	100	6.698	99,88	4	0,06	
23	Xã Xuân Canh	8.739	8.739	100	8.681	99,34	52	0,62	
24	Xã Xuân Nộn	10.860	10.860	100	10.819	99,62	38	0,35	
Tổng cộng		263.118	262.801	99,88	261.163	99,26	1.588	0,60	

2. Kết quả lấy ý kiến của HDND

TT	Đơn vị	Tổng số đại biểu HDND	Số đại biểu dự họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên số DB dự họp)	Tỷ lệ (% trên số DB HDND)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Thị trấn Đông Anh	27	27	27	100	100	0	0	
2	Xã Bắc Hồng	27	27	27	100	100	0	0	
3	Xã Cổ Loa	30	30	30	100	100	0	0	
4	Xã Đại Mạch	29	28	28	100	96,55	0	0	
5	Xã Đông Hội	28	28	28	100	100	0	0	
6	Xã Dục Tú	29	27	27	100	93,1	0	0	
7	Xã Hải Bôi	29	29	29	100	100	0	0	
8	Xã Kim Chung	27	26	26	100	96,29	0	0	
9	Xã Kim Nỗ	29	28	28	100	96,55	0	0	
10	Xã Liên Hà	30	30	29	96,67	96,67	1	3,33	
11	Xã Mai Lâm	27	27	27	100	100	0	0	
12	Xã Nam Hồng	28	25	25	100	89,28	0	0	
13	Xã Nguyên Khê	28	28	28	100	100	0	0	
14	Xã Tàm Xá	23	23	23	100	100	0	0	
15	Xã Thụy Lâm	29	29	29	100	100	0	0	
16	Xã Tiên Dương	30	30	30	100	100	0	0	
17	Xã Uy Nỗ	30	30	30	100	100	0	0	
18	Xã Vân Hà	26	26	26	100	100	0	0	
19	Xã Vân Nội	28	28	28	100	100	0	0	
20	Xã Việt Hùng	29	29	29	100	100	0	0	
21	Xã Vĩnh Ngọc	29	28	28	100	96,55	0	0	
22	Xã Võng La	28	25	25	100	89,29	0	0	
23	Xã Xuân Canh	24	23	23	100	95,83	0	0	
24	Xã Xuân Nộn	28	28	28	100	100	0	0	
25	Huyện Đông Anh								

II. VỀ VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC QUẬN ĐÔNG ANH

1. Kết quả lấy ý kiến cử tri

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số cử tri	Cử tri tham gia bỏ phiếu		Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Xã Bắc Hồng	9.998	9.998	100	9.990	99,92	8	0,08	
2	Xã Cổ Loa	13.789	13.777	99,91	13.640	98,92	137	0,99	
3	Xã Đại Mạch	8.512	8.504	99,91	8.491	99,75	13	0,15	
4	Xã Đông Hội	9.579	9.566	99,86	9.472	98,88	94	0,98	
5	Xã Dục Tú	13.306	13.306	100	13.232	99,44	66	0,50	
6	Xã Hải Bối	10.800	10.798	99,98	10.795	99,95	3	0,03	
7	Xã Kim Chung	9.264	9.263	99,99	9.233	99,67	30	0,32	
8	Xã Kim Nỗ	10.414	10.414	100	10.308	98,98	105	1,01	
9	Xã Liên Hà	12.743	12.743	100	12.670	99,43	73	0,57	
10	Xã Mai Lâm	9.301	9.300	99,99	9.299	99,98	1	0,01	
11	Xã Nam Hồng	10.602	10.504	99,08	10.418	98,26	86	0,81	
12	Xã Nguyên Khê	10.806	10.798	99,93	10.737	99,36	61	0,56	
13	Xã Tàm Xá	3.797	3.797	100	3.793	99,89	4	0,11	
14	Thị trấn Đông Anh	22.068	22.068	100	22.044	99,89	19	0,09	
15	Xã Thụy Lâm	14.759	14.737	99,85	14.303	96,91	428	2,90	
16	Xã Tiên Dương	13.378	13.378	100	13.306	99,46	62	0,46	
17	Xã Uy Nỗ	13.040	13.035	99,96	12.979	99,53	56	0,43	
18	Xã Vân Hà	7.700	7.700	100	7.685	99,81	15	0,19	
19	Xã Vân Nội	8.894	8.894	100	8.872	99,75	22	0,25	
20	Xã Việt Hùng	12.498	12.498	100	12.291	98,34	197	1,58	
21	Xã Vĩnh Ngọc	11.565	11.418	98,73	11.379	98,39	39	0,34	
22	Xã Vồng La	6.706	6.706	100	6.698	99,88	4	0,06	
23	Xã Xuân Canh	8.739	8.739	100	8.682	99,34	54	0,62	
24	Xã Xuân Nộn	10.860	10.860	100	10.819	99,62	38	0,35	
Tổng cộng		263.118	262.801	99,88	261.136	99,25	1.615	0,61	

2. Kết quả lấy ý kiến của HDND

TT	Đơn vị	Tổng số đại biểu HDND	Số đại biểu dự họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (%) trên số DB dự họp)	Tỷ lệ (%) trên số DB HDND)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Thị trấn Đông Anh	27	27	27	100	100	0	0	
2	Xã Bắc Hồng	27	27	27	100	100	0	0	
3	Xã Cổ Loa	30	30	30	100	100	0	0	
4	Xã Đại Mạch	29	28	28	100	96,55	0	0	
5	Xã Đông Hội	28	28	28	100	100	0	0	
6	Xã Dục Tú	29	27	27	100	93,1	0	0	
7	Xã Hải Bối	29	29	29	100	100	0	0	
8	Xã Kim Chung	27	26	26	100	96,29	0	0	
9	Xã Kim Nỗ	29	28	28	100	96,55	0	0	
10	Xã Liên Hà	30	30	29	96,67	96,67	1	3,33	
11	Xã Mai Lâm	27	27	27	100	100	0	0	
12	Xã Nam Hồng	28	25	25	100	89,28	0	0	
13	Xã Nguyên Khê	28	28	28	100	100	0	0	
14	Xã Tàm Xá	23	23	23	100	100	0	0	
15	Xã Thụy Lâm	29	29	29	100	100	0	0	
16	Xã Tiên Dương	30	30	30	100	100	0	0	
17	Xã Uy Nỗ	30	30	30	100	100	0	0	
18	Xã Vân Hà	26	26	26	100	100	0	0	
19	Xã Vân Nội	28	28	28	100	100	0	0	
20	Xã Việt Hùng	29	29	29	100	100	0	0	
21	Xã Vĩnh Ngọc	29	28	28	100	96,55	0	0	
22	Xã Vồng La	28	25	25	100	89,29	0	0	
23	Xã Xuân Canh	24	23	23	100	95,83	0	0	
24	Xã Xuân Nộn	28	28	28	100	100	0	0	
25	Huyện Đông Anh								

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tán thành chủ trương thành lập quận Đông Anh và
các phường thuộc quận Đông Anh, thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA ... TẠI KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số
26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày
25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân
loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9
năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị
hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng
Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia,
điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.*

Theo đề nghị tại Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập quận Đông Anh và các
phường thuộc quận Đông Anh, thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số /BC-
BPC ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban pháp chế HĐND thành phố và ý kiến
thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Tán thành chủ trương thành lập quận Đông Anh và các phường
thuộc quận Đông Anh, thành phố Hà Nội, với các nội dung sau:

1. Thành lập quận Đông Anh, thành phố Hà Nội

Thành lập quận Đông Anh trên cơ sở nguyên trạng 185,68 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 437.308 người của huyện Đông Anh hiện có.

2. Thành lập các phường thuộc quận Đông Anh, thành phố Hà Nội

- Thành lập phường Đông Anh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Đông Anh.

- Thành lập phường Bắc Hồng trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Bắc Hồng.

- Thành lập phường Cổ Loa trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Cổ Loa.

- Thành lập phường Đại Mạch trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Đại Mạch.

- Thành lập phường Đông Hội trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Đông Hội.

- Thành lập phường Dục Tú trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Dục Tú.

- Thành lập phường Hải Bối trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hải Bối.

- Thành lập phường Kim Chung trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Kim Chung.

- Thành lập phường Kim Nỗ trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Kim Nỗ.

- Thành lập phường Liên Hà trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Liên Hà.

- Thành lập phường Mai Lâm trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Mai Lâm.

- Thành lập phường Nam Hồng trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nam Hồng.

- Thành lập phường Nguyên Khê trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nguyên Khê.

- Thành lập phường Tàm Xá trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tàm Xá.

- Thành lập phường Thụy Lâm trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Thụy Lâm.

- Thành lập phường Tiên Dương trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tiên Dương.

- Thành lập phường Uy Nỗ trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Uy Nỗ.

- Thành lập phường Vân Hà trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vân Hà.

- Thành lập phường Vân Nội có 6,52 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.379 người của xã Vân Nội.

- Thành lập phường Việt Hùng có 8,66 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 18.654 người của xã Việt Hùng.

- Thành lập phường Vĩnh Ngọc trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tiên Dương.

- Thành lập phường Vòng La trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Vòng La.

- Thành lập phường Xuân Canh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Xuân Canh.

- Thành lập phường Xuân Nộn có 10,88 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 16.378 người của xã Xuân Nộn hiện có.

Điều 2: Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hoàn tất hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3: Thường trực HĐND thành phố, các Ban HĐND thành phố, các Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa ..., kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Các bộ: Nội vụ, Xây dựng, TN&MT (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Ban Công tác đại biểu;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UB MTTQ thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- ĐB HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành của thành phố;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND thành phố;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn